

PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN TƯ DUY SÁNG TẠO CỦA THẾ HỆ TRẺ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG NGUỒN NHÂN LỰC CỦA ĐẤT NƯỚC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

NGUYỄN THỊ YẾN
Học viện Chính trị khu vực III,
Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

Nhận bài ngày 03/9/2026. Sửa chữa xong 05/10/2026. Duyệt đăng 19/10/2026.

Abstract

This article examines the role of Vietnamese family education in fostering creative thinking among young people in the context of science, technology, innovation, and digital transformation. Drawing on dialectical materialism, document analysis, and comparative methods, the study identifies five key functions of family education: providing psychological safety, stimulating curiosity, developing independent and critical thinking, fostering self-directed learning and aspirations to contribute, and guiding creativity through appropriate values. It also highlights major constraints, including excessive emphasis on academic achievement, authoritarian parenting, and declining parent-child interaction in the digital environment. Accordingly, six groups of solutions are proposed in connection with the implementation of Resolution No. 57-NQ/TW, Resolution No. 71-NQ/TW, and the Resolution of the 14th National Party Congress. The findings provide theoretical and policy implications for strengthening the family as the primary environment for nurturing creativity among Vietnamese youth.

Keywords: Creative thinking; family education; human resources; new era; young people.

1. Đặt vấn đề

Trong điều kiện Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, trí tuệ nhân tạo và kinh tế số đang tái định hình phương thức sản xuất và thị trường lao động toàn cầu, lợi thế cạnh tranh của mỗi quốc gia ngày càng phụ thuộc vào năng lực đổi mới sáng tạo của con người. Những công việc có tính lặp lại dần được máy móc đảm nhiệm; những năng lực khó thay thế như tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề phức tạp trở thành tài sản quý giá nhất của người lao động. Ở Việt Nam, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị coi phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại (Ban Chấp hành Trung ương, 2024). Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 nhấn mạnh yêu cầu cấp bách phải xây dựng thế hệ con người Việt Nam mới đủ bản lĩnh, trí tuệ, năng lực, trong bối cảnh công nghệ số và trí tuệ nhân tạo đang tái định hình nền giáo dục toàn cầu (Ban Chấp hành Trung ương, 2025). Đại hội XIV của Đảng (tháng 01/2026) tiếp tục xác định nguồn nhân lực là một trong ba đột phá chiến lược, trong đó nguồn nhân lực chất lượng cao giữ vai trò trung tâm (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Tuy nhiên, chất lượng nguồn nhân lực vẫn là “điểm nghẽn”: Năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ mới đạt 29,2% (Cục Thống kê, 2026). Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GI) năm 2025, Việt Nam xếp thứ 44/139 nền kinh tế, giữ nguyên thứ hạng năm 2024 (WIPO, 2025). Để hiện thực hóa mục tiêu trở thành nước phát triển, thu nhập cao vào năm 2045, năng lực sáng tạo của nguồn nhân lực cần có bước tiến vượt bậc. Tư duy sáng tạo không tự nhiên xuất hiện khi con người bước vào thị trường lao động mà được nuôi dưỡng từ những năm tháng đầu đời, trong đó gia đình là môi trường giáo dục đầu tiên và có ảnh hưởng lâu dài nhất. Ở Việt Nam, giáo dục gia đình thường được tiếp cận chủ yếu dưới góc độ đạo

Email: nguyenlenguyenquang@gmail.com

đức, lối sống, nhưng vai trò của nó đối với việc phát triển tư duy sáng tạo chưa được quan tâm nhiều. Bài viết này sẽ làm rõ vai trò, thực trạng và đề xuất giải pháp phát huy vai trò của giáo dục gia đình Việt Nam trong phát triển tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ, đáp ứng yêu cầu về chất lượng nguồn nhân lực trong kỷ nguyên mới của đất nước.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận thức về giáo dục gia đình với sự hình thành, phát triển tư duy sáng tạo

2.1.1. Tư duy sáng tạo

Theo Triết học Mác-Lênin, tư duy là giai đoạn cao của quá trình nhận thức, phản ánh gián tiếp và khái quát hiện thực khách quan thông qua khái niệm, phán đoán, suy luận; được hình thành và phát triển trong hoạt động thực tiễn và giao tiếp xã hội. Sáng tạo là thuộc tính đặc trưng của ý thức: ý thức không chỉ phản ánh mà còn góp phần cải tạo thế giới. Từ đó, tư duy sáng tạo là phương thức tư duy cho phép chủ thể vượt khỏi khuôn mẫu quen thuộc, phát hiện vấn đề và đề xuất cách giải quyết mới, độc đáo, có giá trị. Tâm lý học hiện đại làm rõ thêm nhiều khía cạnh. Amabile (1996) chỉ ra năng lực sáng tạo là kết quả tương tác giữa tri thức chuyên môn, kỹ năng tư duy sáng tạo và động cơ nội sinh, trong đó động cơ nội sinh chịu tác động mạnh mẽ của môi trường xã hội. Sternberg (2006) nhấn mạnh sáng tạo còn là một thái độ: dám nghĩ khác, dám chấp nhận rủi ro và kiên trì trước trở ngại. Kaufman và Beghetto (2009) đề xuất mô hình “4C”, phân biệt các cấp độ sáng tạo từ “mini-c” (kiến giải mới mẻ mang tính cá nhân trong học tập), “little-c” (sáng tạo đời thường), “Pro-c” (sáng tạo chuyên nghiệp) đến “Big-C” (sáng tạo tầm vóc lịch sử). Mô hình này cho thấy sáng tạo không phải đặc quyền của số ít thiên tài mà là tiềm năng có thể bồi dưỡng ở mọi người từ những biểu hiện nhỏ nhất ở trẻ em. Vygotsky (2004) khẳng định trí tưởng tượng – nền tảng của sáng tạo – phụ thuộc trực tiếp vào sự phong phú của kinh nghiệm mà đứa trẻ tích lũy được.

Trong phạm vi bài viết, tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ được hiểu là năng lực và thái độ tư duy thể hiện ở tính tò mò, khả năng đặt câu hỏi, tính linh hoạt, độc lập, phản biện và khả năng hiện thực hóa ý tưởng mới có giá trị; bao gồm yếu tố nhận thức, yếu tố tình cảm – ý chí và yếu tố giá trị.

2.1.2. Giáo dục gia đình

Giáo dục gia đình là toàn bộ tác động có ý thức và tự phát của cha mẹ, ông bà và các thành viên khác nhằm hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực của con cháu thông qua nêu gương, truyền dạy và tổ chức đời sống hằng ngày. So với giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình diễn ra sớm nhất, kéo dài suốt đời, dựa trên tình cảm huyết thống (nhận nuôi), mang tính cá biệt hóa cao và chủ yếu thấm thấu qua sinh hoạt thường nhật. Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ ra rằng con người là sản phẩm của hoàn cảnh và giáo dục, nhưng chính con người làm thay đổi hoàn cảnh và bản thân nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục (Mác & Ăngghen, 1995). Luận điểm này có ý nghĩa phương pháp luận sâu sắc: môi trường gia đình tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của trẻ, nhưng trẻ cũng là chủ thể tích cực, còn cha mẹ cũng phải không ngừng tự học, tự đổi mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định hạt nhân của xã hội là gia đình; nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, gia đình tốt thì xã hội mới tốt (Hồ Chí Minh, 2011). Ở Việt Nam, giáo dục gia đình luôn được Đảng và Nhà nước coi trọng. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng xác định xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021). Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 nêu quan điểm phát huy vai trò của gia đình nhằm tạo môi trường giáo dục sớm, góp phần xây dựng con người phát triển toàn diện (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định cha mẹ có nghĩa vụ và quyền giáo dục con, tạo điều kiện cho con học tập, phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức (Quốc hội, 2014).

2.1.3. Vai trò của giáo dục gia đình đối với việc phát triển tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ

Xét từ mối quan hệ giữa điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, giáo dục gia đình tạo ra “hoàn cảnh” đầu tiên và lâu dài, còn tư duy sáng tạo là kết quả của quá trình trẻ tích cực hoạt động trong hoàn cảnh đó. Có thể khái quát năm vai trò cơ bản của giáo dục gia đình đối với việc phát triển tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ như sau:

Một là, giáo dục gia đình tốt góp phần tạo nền tảng tâm lý thuận lợi cho hoạt động sáng tạo. Sáng

tạo gắn với thử nghiệm, và thử nghiệm luôn tiềm ẩn thất bại. Trẻ chỉ dám hỏi “tại sao”, dám nói ý kiến khác biệt khi cảm thấy được yêu thương, chấp nhận và không bị chê bai, chỉ trích vì sai lầm. Amabile (1996) chỉ ra rằng sự kiểm soát chặt chẽ, đánh giá khắt khe và áp lực thưởng – phạt có xu hướng làm suy giảm động cơ nội sinh, qua đó làm suy yếu sự sáng tạo. Ngược lại, bầu không khí gia đình đầy yêu thương, dân chủ, tôn trọng sẽ nuôi dưỡng sự tự tin và bản lĩnh – “chất nền” của tư duy sáng tạo.

Hai là, giáo dục gia đình có vai trò quan trọng trong việc khơi dậy tính hiếu kỳ, phát triển trí tưởng tượng và làm giàu trải nghiệm sống của giới trẻ. Tính hiếu kỳ (tò mò) là khởi đầu của sáng tạo. Tính hiếu kỳ tuy có những yếu tố bẩm sinh nhưng có phát triển thành nhu cầu nhận thức bền vững hay không phụ thuộc lớn vào cách người lớn phản hồi các phản ứng hiếu kỳ của trẻ: khi cha mẹ kiên nhẫn cùng con tìm câu trả lời, trẻ học được rằng đặt câu hỏi là điều đáng quý. Vì trí tưởng tượng được xây dựng từ chất liệu kinh nghiệm (Vygotsky, 2004), các hoạt động như đọc sách, kể chuyện, chơi trò chơi xây dựng, tham quan, trải nghiệm thiên nhiên, lao động tự phục vụ chính là cách làm giàu “kho chất liệu” cho sáng tạo. Câu đố, ca dao, truyện cổ tích trong văn hóa Việt Nam cũng là phương tiện giàu tính gợi mở cho trí tưởng tượng phát triển.

Ba là, gia đình là nơi rèn luyện tư duy độc lập, phản biện và năng lực giải quyết vấn đề. Muốn sáng tạo ra cái mới, trước hết phải biết xem xét cái cũ có phê phán. Nghiên cứu của OECD xác định có thể bồi dưỡng những thành phần cốt lõi của tư duy sáng tạo và phản biện qua các quá trình tìm hiểu, tưởng tượng, thực hiện và phản tư (Vincent-Lancrin và cộng sự, 2019). Các quá trình này hoàn toàn có thể thực hành trong gia đình: khi cha mẹ trao cho con quyền tự quyết phù hợp với lứa tuổi, khuyến khích con lý giải quan điểm, cùng con thảo luận các tình huống trong cuộc sống, trẻ được rèn khả năng lập luận, cân nhắc phương án và chịu trách nhiệm với lựa chọn của mình.

Bốn là, gia đình có thể giúp trẻ hình thành thói quen tự học, ý chí vượt khó và khát vọng cống hiến. Sáng tạo là kết quả của tích lũy tri thức bền bỉ. Truyền thống hiếu học và coi trọng tinh thần vượt khó của gia đình Việt Nam là nguồn lực quý để hình thành thói quen học tập suốt đời. Khi cha mẹ là tấm gương ham học hỏi, dám thích ứng với công nghệ mới, trẻ sẽ tiếp nhận truyền thống đó một cách tự nhiên. Do đó, gia đình có thể nuôi dưỡng ở con trẻ khát vọng vươn lên và có trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và đất nước, gắn sáng tạo cá nhân với mục tiêu phát triển của đất nước.

Năm là, gia đình có thể định hướng giá trị đúng đắn dẫn dắt cho hoạt động sáng tạo. Trí tuệ và công nghệ có thể phục vụ con người nhưng cũng có thể bị lạm dụng. Vì vậy, phát triển tư duy sáng tạo phải gắn với giáo dục đạo đức và trách nhiệm xã hội – thể mạnh truyền thống của gia đình Việt Nam. Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh, việc giáo dục con trung thực trong học tập, tôn trọng quyền tác giả, sử dụng công nghệ có trách nhiệm là yêu cầu cấp thiết, phù hợp với mục tiêu giáo dục phát triển toàn diện “đức, trí, thể, mỹ” ở con người (Ban Chấp hành Trung ương, 2025).

2.2. Phát huy vai trò của giáo dục gia đình Việt Nam trong phát triển tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ

2.2.1. Những kết quả tích cực

Thứ nhất, nhận thức của các gia đình về giáo dục con cái ngày càng được nâng cao; mức sống cải thiện giúp nhiều gia đình đầu tư nhiều hơn cho việc học tập tri thức, kỹ năng toàn diện của con. Thành tựu chung về phát triển con người phản ánh một phần sự đầu tư đó: chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam đạt 0,766, thuộc nhóm có mức phát triển con người cao (UNDP, 2025).

Thứ hai, quan hệ cha mẹ – con cái đang có xu hướng ngày càng dân chủ, bình đẳng hơn so với mô hình gia trưởng truyền thống. Nhiều cha mẹ trẻ có trình độ học vấn cao đã chủ động tiếp cận phương pháp giáo dục hiện đại, tôn trọng ý kiến của con, khuyến khích con tham gia hoạt động trải nghiệm, câu lạc bộ STEM, robotics, nghệ thuật. Các phong trào “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập” được triển khai rộng khắp, phát huy truyền thống hiếu học.

Thứ ba, thể chế, chính sách về gia đình và giáo dục ngày càng hoàn thiện. Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030 đặt mục tiêu 100% gia đình được cung cấp thông tin, kiến thức về văn hóa ứng xử, kỹ năng giáo dục đạo đức, lối sống (Thủ tướng Chính phủ, 2021). Chương trình giáo dục phổ

thông theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực tạo điều kiện để phụ huynh tham gia sâu hơn vào quá trình học tập của con. Những kết quả đó góp phần vào tiến bộ chung: thứ hạng GII của Việt Nam cải thiện từ vị trí 59 năm 2016 lên 44 năm 2024 và giữ vững năm 2025, được WIPO ghi nhận là một trong những nền kinh tế thu nhập trung bình cải thiện thứ hạng nhanh nhất kể từ năm 2013 (WIPO, 2025).

2.2.2. Những hạn chế, bất cập

Một là, tâm lý coi trọng bằng cấp, điểm số vẫn còn nặng nề. Không ít cha mẹ đồng nhất thành công của con với điểm cao, trường chuyên, dẫn đến tình trạng học thêm tràn lan; trẻ bị cuốn vào luyện thi, học thuộc, ít thời gian vui chơi và tự khám phá. Nghị quyết số 71-NQ/TW đã thẳng thắn chỉ ra tình trạng tiêu cực, bệnh hình thức trong giáo dục còn phổ biến (Bộ Chính trị, 2025). Cách tiếp cận nặng về thành tích này chính là yếu tố làm triệt tiêu động cơ nội sinh – nguồn năng lượng quan trọng nhất của sáng tạo (Amabile, 1996).

Hai là, phương pháp giáo dục ở một bộ phận gia đình còn áp đặt, một chiều. Tàn dư tư tưởng gia trưởng khiến việc trẻ đặt câu hỏi, bày tỏ ý kiến khác biệt dễ bị xem là “cãi lời”. Nhiều cha mẹ bao bọc, quyết định thay con từ chọn môn học, chọn nghề đến các lựa chọn trong cuộc sống. Hệ quả là một bộ phận thanh thiếu niên không có chủ kiến, thiếu chủ động, không dám sáng tạo vì sợ sai.

Ba là, thời gian và chất lượng tương tác trực tiếp giữa cha mẹ và con cái suy giảm. Áp lực kinh tế, việc làm khiến nhiều cha mẹ không đủ thời gian đồng hành cùng con; không ít trẻ em nông thôn chỉ sống với ông bà. Trong khi đó, thiết bị số đang “chen vào” không gian gia đình: theo khảo sát năm 2022 được Bộ Thông tin và Truyền thông dẫn lại, độ tuổi trung bình trẻ em Việt Nam sở hữu điện thoại là 9 tuổi, sớm hơn 4 năm so với mức trung bình thế giới (VnExpress, 2023). Việc tiếp nhận nội dung giải trí thiếu kiểm soát có nguy cơ làm giảm khả năng tập trung, thu hẹp hoạt động vui chơi sáng tạo và giao tiếp trực tiếp.

Bốn là, năng lực giáo dục con của nhiều cha mẹ chưa theo kịp yêu cầu thời đại số. Nhiều phụ huynh chưa được trang bị kiến thức về tâm lý học phát triển, phương pháp khơi gợi sáng tạo, kỹ năng số. Chênh lệch giữa các nhóm gia đình ở đô thị và nông thôn, miền núi tạo nguy cơ bất bình đẳng về cơ hội phát triển năng lực sáng tạo ngay từ gia đình.

Năm là, sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội còn thiếu chặt chẽ. Tình trạng “khoán trắng” cho nhà trường vẫn tồn tại; các thiết chế hỗ trợ như dịch vụ tư vấn gia đình, thư viện, không gian sáng tạo cộng đồng cho trẻ em còn thiếu và phân bố chưa đều. Những hạn chế trên tác động không nhỏ đến chất lượng nguồn nhân lực: dù chỉ số GII tổng thể giữ vững, một số chỉ số thuộc trụ cột sản phẩm sáng tạo còn ở thứ hạng thấp, như xuất khẩu dịch vụ văn hóa và sáng tạo xếp hạng 95 (WIPO, 2025).

2.2.3. Nguyên nhân

Có nhiều nguyên nhân của những hạn chế, bất cập nêu trên. Về khách quan, mặt trái của cơ chế thị trường, đô thị hóa, di cư lao động đã tác động sâu sắc đến cấu trúc, chức năng gia đình; công nghệ số phát triển nhanh hơn khả năng thích ứng của nhiều gia đình; hệ thống thi cử trong thời gian dài còn nặng về kiểm tra kiến thức, gián tiếp củng cố tâm lý chạy theo thành tích. Về chủ quan, một bộ phận cha mẹ chưa nhận thức đầy đủ vai trò của gia đình đối với phát triển năng lực trí tuệ, sáng tạo của con; chưa chủ động học tập kỹ năng làm cha mẹ; công tác tuyên truyền về gia đình chủ yếu tập trung vào đạo đức, lối sống, phòng chống bạo lực gia đình, chưa quan tâm đúng mức đến giáo dục năng lực tư duy.

2.3. Giải pháp phát huy vai trò của giáo dục gia đình trong phát triển tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ hiện nay

Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng xác định tập trung đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, ưu tiên phát triển các ngành công nghệ chiến lược, trọng tâm là chip bán dẫn và trí tuệ nhân tạo, gắn với đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực chất lượng cao; đồng thời yêu cầu chuyển mạnh giáo dục từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực, phẩm chất người học (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2026). Nghị quyết số 57-NQ/TW coi nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân tài là yếu tố then chốt và yêu cầu xây dựng, hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội (Ban Chấp hành Trung ương, 2024).

Trước yêu cầu đó, nguồn nhân lực trong kỷ nguyên mới cần hội tụ: (1) tư duy sáng tạo, phân biện và năng lực giải quyết vấn đề phức tạp; (2) năng lực số, năng lực làm chủ và cộng tác với trí tuệ nhân tạo; (3) năng lực tự học suốt đời và thích ứng linh hoạt; (4) bản lĩnh, khát vọng, tinh thần dám nghĩ, dám làm; (5) đạo đức, trách nhiệm xã hội và bản sắc văn hóa dân tộc. Theo các yêu cầu này, nền giáo dục gia đình hiện nay đang đứng trước ba mâu thuẫn: mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển năng lực sáng tạo, tự chủ với thói quen giáo dục áp đặt, nặng thành tích; mâu thuẫn giữa sự phát triển nhanh của môi trường số với năng lực định hướng còn hạn chế của cha mẹ; mâu thuẫn giữa yêu cầu công bằng trong phát triển năng lực với sự chênh lệch điều kiện giáo dục giữa các nhóm gia đình.

Để phát huy vai trò của giáo dục gia đình trong phát triển tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ hiện nay cần quán triệt các quan điểm cơ bản sau:

Một là, phát triển tư duy sáng tạo cho thế hệ trẻ phải bắt đầu từ sớm và từ gia đình; đầu tư cho giáo dục gia đình là đầu tư cho nguồn nhân lực ở “thượng nguồn”.

Hai là, sáng tạo chỉ nảy nở trong môi trường tự do có định hướng: khuyến khích nhưng không buông lỏng, kỷ luật nhưng không áp đặt.

Ba là, cha mẹ phải là người học suốt đời; luận điểm “nhà giáo dục cũng cần phải được giáo dục” của C. Mác giữ nguyên giá trị thời sự.

Bốn là, sáng tạo phải gắn với đạo đức và trách nhiệm xã hội, kết hợp giữa phát huy truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa giáo dục nhân loại.

Năm là, phát huy vai trò gia đình không tách rời sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự phối hợp đồng bộ của toàn xã hội.

Trên cơ sở quán triệt các quan điểm đã nêu, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, đổi mới nhận thức của gia đình và xã hội về mục tiêu giáo dục thế hệ trẻ. Cần tuyên truyền để cha mẹ nhận thức rằng thước đo thành công của con không chỉ là điểm số mà là năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, tự học và nhân cách tốt đẹp. Các cơ quan văn hóa, giáo dục, truyền thông cần lồng ghép nội dung giáo dục tư duy sáng tạo trong gia đình vào chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW và Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030; tôn vinh những gia đình biết nuôi dưỡng sự sáng tạo của con. Đổi mới thi cử, đánh giá theo hướng coi trọng năng lực sẽ là đòn bẩy để thay đổi tâm lý chạy theo điểm số.

Thứ hai, xây dựng môi trường gia đình dân chủ, yêu thương, khuyến khích sáng tạo. Cha mẹ cần chuyển từ vai trò “người ra lệnh” sang “người đồng hành, người khơi gợi”: lắng nghe ý kiến của con; khuyến khích con đặt câu hỏi và cùng tìm câu trả lời; chấp nhận sai lầm như một phần của quá trình học hỏi, đánh giá cao nỗ lực hơn là chỉ kết quả; trao quyền tự chủ phù hợp lứa tuổi. Cần kế thừa có chọn lọc giá trị gia đình truyền thống như hiếu học, kính trên nhường dưới, đồng thời khắc phục biểu hiện gia trưởng, áp đặt – tức là giải quyết hợp lý mối quan hệ giữa kế thừa và phát triển.

Thứ ba, đa dạng hóa hoạt động trải nghiệm sống, tăng cường tương tác trực tiếp của các thành viên gia đình, nhất là thế hệ trẻ. Mỗi gia đình cần dành “thời gian chất lượng” cho con: đọc sách và thảo luận; chơi trò chơi phát triển tư duy, làm thí nghiệm khoa học đơn giản; làm đồ thủ công, trồng cây, nấu ăn; tham quan bảo tàng, di tích, khám phá thiên nhiên; giao cho trẻ công việc gia đình phù hợp để rèn tính tự lập. Chính quyền địa phương cần đầu tư thiết chế văn hóa, thư viện, không gian sáng tạo công cộng để gia đình có điều kiện tổ chức trải nghiệm cho con.

Thứ tư, nâng cao năng lực số và kỹ năng đồng hành của cha mẹ với con cái. Cha mẹ không nên tách con khỏi công nghệ mà cần giúp con làm chủ công nghệ. Cần triển khai chương trình bồi dưỡng kỹ năng số cho phụ huynh, nhất là ở nông thôn, miền núi; hướng dẫn gia đình xây dựng quy tắc sử dụng thiết bị số theo lứa tuổi. Cha mẹ cần định hướng con chuyển từ “người tiêu thụ nội dung” sang “người sáng tạo nội dung”: học lập trình cơ bản, thiết kế sản phẩm số, sử dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ khám phá tri thức một cách trung thực thay vì làm thay nhiệm vụ học tập; đồng thời làm gương trong sử dụng thiết bị số điều độ.

Thứ năm, tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục thế hệ trẻ. Nhà trường cần tổ chức chuyên đề hướng dẫn cha mẹ phương pháp khơi gợi tư duy sáng tạo; thiết kế nhiệm vụ học tập, dự án để cha mẹ và con cùng thực hiện; ứng dụng nền tảng số trong trao đổi thông tin hai chiều. Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Khuyến học cần phát huy vai trò tư vấn, hỗ trợ gia đình; doanh nghiệp, tổ chức khoa học – công nghệ có thể tham gia xây dựng sân chơi, cuộc thi sáng tạo dành cho thanh thiếu niên và gia đình.

Thứ sáu, hoàn thiện thể chế, chính sách hỗ trợ giáo dục gia đình. Nhà nước cần nghiên cứu xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn giáo dục gia đình theo lứa tuổi, trong đó có nội dung phát triển tư duy sáng tạo, phản biện và năng lực số; có chính sách hỗ trợ đặc thù cho gia đình ở vùng khó khăn, gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa, gia đình dân tộc thiểu số; chính sách lao động cần tính đến cân bằng công việc – gia đình để cha mẹ có thời gian đồng hành cùng con; đẩy mạnh nghiên cứu liên ngành, xây dựng cơ sở dữ liệu về gia đình và năng lực sáng tạo của trẻ em làm căn cứ hoạch định chính sách.

3. Kết luận

Trong kỷ nguyên mới, tư duy sáng tạo là phẩm chất cốt lõi quyết định chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cạnh tranh quốc gia. Gia đình, với tư cách tế bào của xã hội và môi trường giáo dục đầu tiên, có vai trò nền tảng, không thể thay thế trong hình thành, phát triển tư duy sáng tạo của thế hệ trẻ: tạo cơ sở tâm lý an toàn, khơi dậy tò mò, rèn luyện tư duy độc lập, phản biện, hình thành thói quen tự học, khát vọng cống hiến và định hướng giá trị nhân văn cho sáng tạo. Giáo dục gia đình Việt Nam đã đạt được những kết quả tích cực, song tâm lý nặng về thành tích, phương pháp áp đặt, sự suy giảm tương tác trực tiếp trong môi trường số, hạn chế về năng lực của cha mẹ và sự thiếu gắn kết giữa gia đình – nhà trường – xã hội đang là những rào cản. Việc triển khai đồng bộ sáu nhóm giải pháp nêu trên chính là góp phần cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71-NQ/TW, xây dựng thế hệ con người Việt Nam mới có trí tuệ, bản lĩnh, sáng tạo, đủ sức đưa đất nước vững bước trong kỷ nguyên vươn mình.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia*.
- Ban Chấp hành Trung ương (2025). *Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo*.
- Cục Thống kê (2026). *Thông cáo báo chí về tình hình dân số, lao động, việc làm quý IV và năm 2025*. Bộ Tài chính. <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/01/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-dan-so-lao-dong-viec-lam-quy-iv-va-nam-2025/>.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập I)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*. <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/tin-hoat-dong/ngphi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang.html>.
- Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập* (tập 12). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Mác, C., & Ăngghen, Ph. (1995). *Toàn tập* (tập 3). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- Quốc hội (2014). *Luật Hôn nhân và gia đình*. Luật số 52/2014/QH13, ngày 19/06/2014.
- Thủ tướng Chính phủ (2021). *Quyết định số 2238/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam đến năm 2030*.
- VnExpress (2023, ngày 11 tháng 3). Trẻ em Việt được dùng điện thoại sớm 4 năm so với thế giới. <https://vnexpress.net/tre-em-viet-duoc-dung-dien-thoai-som-4-nam-so-voi-the-gioi-4580136.html>.
- Amabile, T. M. (1996). *Creativity in context: Update to the social psychology of creativity*. Westview Press.
- Kaufman, J. C., & Beghetto, R. A. (2009). Beyond big and little: The four C model of creativity. *Review of General Psychology*, 13(1), 1–12. <https://doi.org/10.1037/a0013688>.
- Sternberg, R. J. (2006). The nature of creativity. *Creativity Research Journal*, 18(1), 87–98. https://doi.org/10.1207/s15326934crj1801_10
- United Nations Development Programme. (2025). *Human development report 2025: A matter of choice: People and possibilities in the age of AI*. <https://hdr.undp.org/content/human-development-report-2025>.
- Vincent-Lancrin, S., González-Sancho, C., Bouckaert, M., de Luca, F., Fernández-Barrera, M., Jacotin, G., Urgel, J., & Vidal, Q. (2019). *Fostering students' creativity and critical thinking: What it means in school*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/62212c37-en>.
- Vygotsky, L. S. (2004). Imagination and creativity in childhood. *Journal of Russian and East European Psychology*, 42(1), 7–97.
- World Intellectual Property Organization. (2025). *Global innovation index 2025: Innovation at a crossroads*. <https://www.wipo.int/publications/en/details.jsp?id=4807>.